

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Dự án Công cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Công cố nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào, tại xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, gửi kèm Công văn số 1327/BQLNNPTNT-QLDA I ngày 09/12/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công cố nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào, tại xã Bình Đào;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 920/TTr-STNMT ngày 14/12/2020 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Công cố nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào với chiều dài tuyến đê khoảng 2km tại xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Dự án) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình, Chủ tịch UBND xã Bình Đào, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC 05;
- Phòng TN&MT huyện Thăng Bình;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

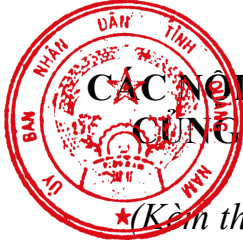


Hồ Quang Bửu

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2020

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Củng cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương,
Bình Đại, Bình Đào

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ liên hệ: Số 30, đường Hùng Vương, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi của Dự án: Củng cố và nâng cấp tuyến đê có chiều dài khoảng 2km (Theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Củng cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào).
- Quy mô của Dự án: Củng cố và nâng cấp tuyến đê có chiều dài khoảng 2km đi qua xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Các hạng mục chính của Dự án:

a) Đỉnh đê:

- Cao trình mặt đê thiết kế : +2,2 m.
- Chiều rộng mặt đê : 3,50m.
- Mặt đê gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ M300, chiều dày 20cm, khoảng 5,0m bố trí 01 khe lún ngang mặt đê hạn chế nứt gãy. Trên mặt đê bố trí hệ thống gờ chắn bánh xe đảm bảo an toàn giao thông, mặt đường có độ dốc ngang $i = 1,0\%$.

b) Mái đê:

- Mái đê phía sông:
Hệ số mái $m=2$; gia cố bảo vệ mái bằng các tấm bê tông đúc sẵn 40×40 cm dày 16cm trong khung dầm bê tông cốt thép M250, kích thước ô khung (5,0 x 5,0)m; dưới lớp bê tông là lớp dầm lót dày 10cm và dưới cùng là lớp vải lọc.
- Mái đê phía đồng:
Hệ số mái $m=2$; trồng cỏ để bảo vệ mái chống xói, sạt lở khi mưa lớn, sóng leo, lũ tràn, tác động dòng chảy ven đê.

c) Chân đê

Phía sông: Tạo chân khay bằng rọ đá kích thước $2 \times 1 \times 0,5$ m trên lớp vải lọc.

1.4. Các hạng mục phụ trợ của dự án

- Công trình qua đê

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số Lượng
1	Cống qua đê 1 cửa B=2m	Cái	04
2	Cống qua đê ống buy D=100cm	cái	05

- Cao trình đỉnh công bằng với cao trình đỉnh đê, các công dưới đê đều có dàn đóng mở và hệ thống khe phai.

- Công qua đê 1 cửa B=2m là công hình chữ nhật có chiều cao đỉnh công bằng với cao trình đỉnh đê, kết cấu bằng bê tông xi măng M250 cường độ chịu lực khoảng 260 -280 daN/cm², cửa phai có chiều cao 1,2m.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Đối với môi trường không khí: Tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Đối với môi trường nước: ảnh hưởng hệ sinh thái, dòng chảy trên sông.
- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn vô cơ và hữu cơ phát sinh do các hộ dân gần khu vực dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Tiếng ồn, bụi thải: phát sinh từ quá trình phát quang giải phóng mặt bằng; bụi phát sinh từ quá trình san nền; bụi, khí thải phát sinh do quá trình vận chuyển san nền, nguyên vật liệu trong khu vực Dự án; bụi, khí thải từ phương tiện thi công xây dựng.

- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công: 1,35 m³/ng.đ.
- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: Không phát sinh.
- Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công khoảng 24 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

- Đối với Chất thải rắn từ quá trình chặt cây cối, thảm thực vật, khoảng 1.600 bụi dừa nước. Khối lượng lớp đất tầng phủ từ hoạt động giải phóng mặt bằng khoảng 2.128 tấn.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Trong quá trình thi công xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải. Khối lượng CTNH khoảng 20-50 kg trong toàn bộ quá trình xây dựng.

- Trong giai đoạn hoạt động của dự án: không phát sinh CTNH.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Về xử lý bụi và khí thải:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

- Vào những ngày hanh khô hoặc có gió lớn, tiến hành phun nước giữ ẩm bề mặt với tần suất 3 lần/ngày (sáng, trưa, chiều) tại tuyến đường đi qua các khu dân cư trong xã Bình Đào.

- Bố trí công nhân thu dọn đất, cát rơi vãi dọc theo tuyến vận chuyển gần khu vực dự án, sau mỗi giờ làm việc 2 lần/ngày (sau 11h30 và sau 17h30) nhằm hạn chế lượng bụi cuốn phát sinh khi có phương tiện qua lại cũng như bụi cuốn do gió gây ảnh hưởng đến các hộ dân.

- Chủ dự án khi lựa chọn nhà thầu thi công sẽ yêu cầu nhà thầu cam kết vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án bằng các xe tải trọng từ 10 tấn trở xuống để đảm bảo các tuyến đường nông thôn không bị hư hỏng. Khi có dấu hiệu hư hỏng nhà thầu thi công phải tiến hành sửa chữa đường như ban đầu.

- Thùng xe phải có bạt che kín, tránh tình trạng đất đá rơi vãi, bụi cát bị gió cuốn gây ô nhiễm môi trường trên tuyến đường vận chuyển.

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công. Không vận chuyển vào buổi trưa (từ 12h00 - 13h00), ban đêm (từ 22h00 - 6h00) và khung giờ cao điểm.

- Sử dụng máy móc, phương tiện tiên tiến, tình trạng còn mới nhằm hạn chế phát sinh khí thải độc hại bất thường khi động cơ hoạt động. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp 0,05%.

- Với các bãi chứa vật liệu cát sẽ được thiết kế đặt ở nơi khuất gió và có che phủ bạt để tránh hiện tượng cát bay vào những ngày có gió lớn.

- Các xe vận chuyển đất được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng cho phép và đúng tốc độ quy định, tuân thủ an toàn giao thông đường bộ và vệ sinh môi trường.

3.1.2. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Khi chủ dự án lựa chọn nhà thầu thi công sẽ yêu cầu đơn vị thi công phải bố trí 02 nhà vệ sinh di động để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân tại công trường. Kết thúc quá trình thi công xây dựng sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút cặn, vệ sinh sạch sẽ.

- Nước thải xây dựng: Chủ yếu là nước thải do rửa dụng cụ, sau mỗi ngày làm việc sẽ được thu gom, lắng cặn tại hố lắng, trường hợp có dầu mỡ tại hố lắng sẽ được thu gom xử lý cùng dầu mỡ thải, nước lắng cặn được sử dụng tưới giảm bụi công trường.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR):

- Thu gom CTR từ hoạt động giải phóng mặt bằng.

+ Đối với 2.128 tấn lớp đất tầng phủ: được vận chuyển đến bãi thải nằm trong vị trí Dự án và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Đối với 1600 bụi dứa nước Chủ dự án cam kết và phối hợp với UBND huyện Thăng Bình chọn vị trí trồng lại dứa nước nhằm tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường.

- Thu gom, xử lý CTR từ quá trình thi công xây dựng:

+ CTR xây dựng: Được thu gom phân loại để bán phế liệu (sắt thép vụn...); đất đá, gạch vỡ được tận dụng san nền; những chất còn lại không tận dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định; Lượng đất bóc hữu cơ được tập trung về khu đất cây xanh để trồng cây, phần còn lại (nếu có) hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định hiện hành.

+ CTR sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom và mang đi xử lý theo quy định.

- Thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH): Bố trí thùng chứa CTNH có nắp đậy, thực hiện thu gom CTNH phát sinh lưu chứa tạm thời tại kho chứa CTNH tạm thời trên công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:

- Duy tu bảo trì tuyến đường trên cầu luôn đạt chất lượng tốt.

- Nghiêm cấm sử dụng xe cơ giới đi trên mặt đê vượt quá tải trọng cho phép.

- Thu gom rác tồn đọng trên tuyến đê.

3.2.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Nghiêm cấm việc đổ vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, rác thải sinh hoạt khu vực ven đê.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của Biến đổi khí hậu và nước biển dâng, không vứt, xả rác, nước thải ra sông và trên tuyến đê bằng các hình thức như:

+ Tổ chức hội thảo, họp tuyên truyền tập trung tại UBND xã Bình Đào.

+ Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh, đài truyền hình, loa phát thanh của xã.

+ Tuyên truyền bằng các hình ảnh trực quan: băng rôn, áp phích,...

3.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn hoạt động

a) Giảm thiểu sự cố mất an toàn trên đê:

Khi có các sự cố như sạt lở mái đê, chân đê hay vỡ đê thì gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, tài sản, sức khỏe cộng đồng và môi trường trong vùng. Vì thế các đơn vị quản lý công trình thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng công trình.

b) Kế hoạch phòng chống lụt bão bảo vệ đê, sạt lở:

- Xác định các điểm trọng yếu trước mùa mưa bão, phát hiện và kịp thời xử lý những hư hỏng để ổn định công trình, vận hành an toàn trong mùa mưa lũ.

- Phân công nhiệm vụ từng thành viên trong ban phòng chống lụt bão và thông tin hỏa tốc, lập phương án phòng chống bão lụt cho các công trình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xác định thời gian và vị trí trực chỉ huy phòng chống lụt bão, và phân công cán bộ trực để kịp thời xử lý các tình huống xảy ra.

- Chuẩn bị phương tiện, vật tư nhân lực phục vụ công tác phòng chống lụt bão, liên hệ thường xuyên với dân quân tự vệ, đơn vị bộ đội ứng cứu khi có nguy cấp.

c) Biện pháp ứng phó khi sự cố sự cố khi vận hành:

- Xử lý sạt trượt mái đê:

+ Thả đá rời giữ chân nơi bị xói lở.

+ Nếu lở mái đứng phải kiên quyết bạt nhẹ mái kè hạn chế xói lở.

+ Nếu vết nứt tiếp tục phát triển, đê tiếp tục trượt và ăn sâu vào thân đê, mặt cắt ngang đê giảm, khả năng chống thấm giảm, dự báo có cơn lũ tiếp, lũ tăng lên trở lại thì phải khẩn trương đắp lấn đê để tăng mặt cắt đê.

- Xử lý chống tràn qua đê:

+ Dùng bao tải đắp con trạch lớp dưới rộng hơn lớp trên theo kiểu hình thang.
+ Dùng tấm phen, liếp cánh cửa, tấm ván... đóng cọc nẹp giữ chắc và đắp đất hoặc bao tải đất phía sau.

+ Dựa vào tình hình thực tế ở đây áp dụng biện pháp đắp con trạch bằng bao tải đất. Khi mực nước lũ ngoài đê cách mặt đê 0,5m hoặc xấp xỉ tràn có thể dùng bao tải dồn đất để đắp trạch.

+ Vật liệu: Đắp trạch bằng bao tải dồn đất.

- Xử lý vết nứt:

+ Xử lý vết nứt bằng đất sét, đắp mui luyện dọc theo mép vết nứt.

+ Lập barie hai đầu đoạn đê bị lún nứt, cấm biển cấm ô tô có tải trọng trên 1,5 tấn chạy qua.

+ Thường xuyên theo dõi và quan trắc vết nứt như: Đo chiều dài, chiều rộng, chiều sâu vết nứt và báo cáo về Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống lụt bão huyện, thị xã, tỉnh.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

TT	Công trình, biện pháp BVMT	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
A	Giai đoạn xây dựng		
1	Trang bị BHLĐ.	Tính trong kinh phí xây dựng dự án, các nhà thầu thực hiện	Thuê đơn vị thi công và Chủ đầu tư quản lý việc thực hiện
2	Trang bị 02 nhà vệ sinh tạm.		
3	Trang bị thùng chứa chất thải rắn.		
4	Phòng ngừa, ứng phó các sự cố.		
5	Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn.		

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn xây dựng				
1	Giám sát	pH, BOD ₅ ,	- 01 Mẫu	3	QCVN 08 -

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
	nước mặt (03 mẫu)	COD, DO, chất rắn lơ lửng, amoni, clorua, nitrat, photphat, As, Pb, Cu, Zn, Hg, Fe, tổng dầu mỡ, Coliform.	nước mặt tại sông Trường Giang điểm đầu dự án. - 01 Mẫu nước mặt tại sông Trường Giang điểm giữa dự án. - 01 Mẫu nước mặt tại sông Trường Giang điểm cuối dự án.	tháng/lần	MT:2015/BTNMT (cột B ₁)
2	Giám sát CTR, CTNH	Khối lượng, quá trình thu gom, lưu trữ.	- Toàn khu vực dự án. - Khu vực lưu trữ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT
3	Giám sát sạt lở	Phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.	Các khu vực đào đắp.	Thường xuyên	-
4	Giám sát đổ thải	Khối lượng CTR đổ thải tại các bãi thải tạm.	Vị trí bãi thải tại khu vực dự án.	Thường xuyên	-
II	Giai đoạn dự án đi vào hoạt động				
1	Giám sát tính an toàn, ổn định của các hạng mục công	-	Hàng năm tổ chức các đợt giám sát tính an toàn, ổn định của đê, kiểm tra các	Định kỳ theo chương trình đã đề ra và	-

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
	trình		vết nứt, hiện tượng sạt lở mái đê, thấm lậu chân đê,... để kịp thời phát hiện và khắc phục.	đột xuất khi có xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.	
2	Giám sát các sự cố môi trường	-	Vỡ đê, công tiêu, các công trình điều tiết nước, lũ lụt vượt tần suất, hạn hán bất thường, sạt lở, bồi lấp kênh mương để có biện pháp xử lý kịp thời. Đồng thời thường xuyên kiểm tra thực trạng tuyến đê, hành lang bảo vệ.		-

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thăng Bình để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền giao đất và thực hiện các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn, có giải pháp hạn chế tình trạng sạt lở, xói mòn và bồi lấp ảnh hưởng đến dòng chảy sông Trường Giang tại khu vực dự án trong quá trình thi công và vận hành Dự án. Đồng thời, tuyệt đối không xả chất thải vào sông Trường Giang khi chưa được xử lý theo quy định hiện hành.

7.6. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng;

không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.7. Chủ dự án cam kết phối hợp với UBND huyện Thăng Bình chọn vị trí trồng lại 1.600 bụi dừa nước nhằm tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường.

7.8. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bình Đào thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự xã hội.

7.9. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.10. Phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý vị trí bãi thải; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc san lấp tạo mặt bằng cho tuyến đê, tập kết vật liệu xây dựng, đổ thải lớp đất tầng phủ của dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

7.11. Tuân thủ các quy định hiện hành về: khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

7.12. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.13. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.